

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC**  
**TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Báo cáo Tài chính hợp nhất*  
*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012*  
*đã được soát xét*

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 – 31
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà D14-D6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch
Ông Cán Hữu Hải	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên
Ông Hà Sỹ Tuyển	Ủy viên
Ông Bùi Vũ Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tùng	Ủy viên
Bà Trần Thị Uyên	Ủy viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Cần Hữu Hải**  
Giám đốc

*Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012*

Số : /2012/BC.KTTC-AASC.KT5

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012  
của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 27/08/2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

---

**Nguyễn Ngọc Lân**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1427/KTV

*Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>155.849.216.130</b>	<b>151.734.984.399</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>59.553.806.492</b>	<b>71.877.870.285</b>
111	1. Tiền		2.453.806.492	1.787.870.285
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.100.000.000	70.090.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>16.893.185.895</b>	<b>11.942.654.521</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		16.893.185.895	11.942.654.521
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>41.543.106.683</b>	<b>39.821.935.902</b>
131	1. Phải thu khách hàng		38.640.786.520	35.801.810.786
132	2. Trả trước cho người bán		432.135.066	357.277.030
135	3. Các khoản phải thu khác	<b>5</b>	4.147.296.708	5.360.724.763
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.677.111.611)	(1.697.876.677)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>35.206.965.890</b>	<b>25.842.539.581</b>
141	1. Hàng tồn kho		36.655.538.474	27.291.112.165
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.448.572.584)	(1.448.572.584)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.652.151.170</b>	<b>2.249.984.110</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>7</b>	1.381.170.784	591.476.934
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		56.004.186	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	126.209.633
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	<b>8</b>	1.214.976.200	1.532.297.543

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.283.676.079</b>	<b>22.591.340.961</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.862.682.445</b>	<b>14.295.971.012</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.772.338.558	14.190.565.319
222	- Nguyên giá		5.127.456.798	18.350.056.526
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.355.118.240)	(4.159.491.207)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	90.343.887	105.405.693
228	- Nguyên giá		187.617.546	187.617.546
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.273.659)	(82.211.853)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	750.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.147.035.282</b>	<b>6.986.481.040</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.062.035.282	6.901.481.040
268	2. Tài sản dài hạn khác		85.000.000	85.000.000
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>13</b>	<b>523.958.352</b>	<b>558.888.909</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>163.132.892.209</b>	<b>174.326.325.360</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>45.885.484.325</b>	<b>63.814.362.397</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>45.633.204.254</b>	<b>63.572.417.890</b>
312	1. Phải trả người bán		32.015.641.633	27.408.846.194
313	2. Người mua trả tiền trước		239.343.133	91.825.577
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.907.983.187	1.851.177.878
315	4. Phải trả người lao động		2.694.715.512	2.608.099.815
316	5. Chi phí phải trả	15	3.572.301.153	1.259.149.090
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	4.397.380.574	29.722.754.607
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		805.839.062	630.564.729
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>252.280.071</b>	<b>241.944.507</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		206.280.071	195.944.507
<b>400</b>	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>116.300.295.502</b>	<b>109.280.982.725</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>116.300.295.502</b>	<b>109.280.982.725</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(765.000.000)	(765.000.000)
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		36.199.650	36.199.650
414	4. Cổ phiếu quỹ		(6.738.422.900)	(6.550.527.860)
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.757.720.371	2.749.504.745
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		1.485.680.649	1.429.483.052
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.329.277.732	10.186.483.138
<b>439</b>	<b>C . LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>947.112.382</b>	<b>1.230.980.238</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>163.132.892.209</b>	<b>174.326.325.360</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý		398.797.116	280.549.366

---

**Vũ Thị Minh Nguyệt**

Phụ trách kế toán

---

**Cán Hữu Hải**

Giám đốc

*Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
<b>1</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>18</b>	<b>56.576.377.826</b>	<b>36.681.410.209</b>
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	102.076.130	2.025.714
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>56.474.301.696</b>	<b>36.679.384.495</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	21	44.264.241.698	30.105.797.697
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>12.210.059.998</b>	<b>6.573.586.798</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.500.636.979	9.049.846.577
22	7. Chi phí tài chính	23	25.932.808	1.402.273.728
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	1.352.272.728
24	8. Chi phí bán hàng		6.783.076.453	5.078.863.446
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.219.287.600	2.911.747.250
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>6.682.400.116</b>	<b>6.230.548.951</b>
31	11. Thu nhập khác	24	28.786.768.266	53.297.410
32	12. Chi phí khác	25	12.595.824.252	44.369.219
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>16.190.944.014</b>	<b>8.928.191</b>
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>22.873.344.130</b>	<b>6.239.477.142</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.817.466.408	1.721.494.041
<b>60</b>	<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>17.055.877.722</b>	<b>4.517.983.101</b>
61	18. Lợi ích của cổ đông thiểu số		(201.498.313)	(203.474.685)
<b>62</b>	<b>19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>		<b>17.257.376.035</b>	<b>4.721.457.786</b>
<b>70</b>	<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>26</b>	<b>1.876</b>	<b>451</b>

Vũ Thị Minh Nguyệt  
 Phụ trách kế toán

Cần Hữu Hải  
 Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		54.907.372.018	31.691.392.671
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(51.700.711.830)	(35.313.177.287)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.012.805.816)	(4.795.922.780)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	(1.352.272.728)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.263.178.491)	(1.392.804.172)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.076.703.172	764.239.020
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.480.240.012)	(1.933.539.228)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(7.472.860.959)</b>	<b>(12.332.084.504)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(260.000.000)	(24.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.500.000.000)	(19.810.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		549.468.626	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(118.356.240)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	118.356.240
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.039.074.980	9.049.846.577
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>828.543.606</b>	<b>(10.784.153.423)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
32	1. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(187.895.040)	(2.323.668.080)
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	346.103.000
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(30.000.000.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.491.851.400)	(8.023.027.200)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(5.679.746.440)</b>	<b>(40.000.592.280)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(12.324.063.793)	(63.116.830.207)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		71.877.870.285	98.425.101.580
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>59.553.806.492</u>	<u>35.308.271.373</u>

Vũ Thị Minh Nguyệt  
Phụ trách kế toán

Cần Hữu Hải  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà D14-D6 khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 VND (Một trăm linh hai tỷ, một trăm chín mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.219.484 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

**Công ty có các công ty con tại thời điểm 30/06/2012 bao gồm :**

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	Phường Hợp Giang, Cao Bằng	55%	55%	Mua bán sách, tạp chí, bản đồ, giấy viết, dụng cụ học tập...
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Từ Liêm, Hà Nội	100%	65%	Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành,...

**Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24/05/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/01/2012 lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo : Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép) ; dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ : Tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

### **2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **2.4. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con. Lợi thế thương mại được coi

là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## 2.5. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	05-10 năm
Phương tiện vận tải	06-10 năm
Thiết bị văn phòng	03-05 năm
Phần mềm quản lý	10 năm

## 2.10. Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## 2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



### 2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 2.15. Ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.17. Các khoản thuế

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	461.532.029	220.123.857
Tiền gửi ngân hàng	1.992.274.463	1.567.746.428
Các khoản tương đương tiền	57.100.000.000	70.090.000.000
	<b>59.553.806.492</b>	<b>71.877.870.285</b>

Chi tiết các khoản tương đương tiền tại 30/06/2012 bao gồm:

	30/06/2012
	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	55.600.000.000
- Tại Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Nghĩa Tân	10.600.000.000
- Tại Ngân hàng TMCP Maritime Bank	45.000.000.000
Hợp đồng vay vốn dưới 3 tháng	1.500.000.000
- Cho công ty Cổ phần Sách Dân tộc vay <sup>[1]</sup>	1.500.000.000
	<b>57.100.000.000</b>

<sup>[1]</sup> Cho Công ty Cổ phần Sách Dân tộc vay theo hợp đồng vay vốn số 03/2011/SGDHN ngày 13/11/2011 để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất cho vay là 17%/năm.

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác <sup>[1]</sup>	16.893.185.895	11.942.654.521
	<b>16.893.185.895</b>	<b>11.942.654.521</b>

<sup>[1]</sup> **Đầu tư ngắn hạn khác tại 30/06/2012 bao gồm các khoản đầu tư sau:**

- Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 01 – 2009/NXBGDVN – TH ngày 26/02/2010 với lãi suất cho vay là 13%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 30/06/2012 là 6.583.185.895 VND.
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo hợp đồng tiền gửi số 383.007.350409.TG ngày 28/12/2011 với lãi suất cho vay là 14%/năm, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 310.000.000 VND.
- Cho Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Hà Nội vay theo hợp đồng vay vốn số 02 – 2011/SGDHN ngày 21/07/2011 với hạn mức cho vay là 5.000.000.000 VND để mua máy in và một số máy phụ trong dây chuyền in, lãi suất cho vay tối đa không cao hơn lãi suất ngân hàng thương mại cổ phần cho vay tại từng thời điểm (lãi suất đã bao gồm cả thuế GTGT). Tại thời điểm 30/06/2012, công ty đã giải ngân cho Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Hà Nội vay tổng số tiền là 4.500.000.000 VND theo 3 Phụ lục vay vốn với thời hạn cho vay tối đa 1 năm, lãi suất 18,5%/năm.
- Cho Công ty Cổ phần In và phát hành sách Việt Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2012/SGDHN ngày 03/01/2012 để kinh doanh In và phát hành sách với lãi suất cho vay là 17%/năm số tiền là 5.500.000.000 VND.

#### 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu tiền BHXH, BHYT	33.503.704	-
Dự thu lãi cho vay, các khoản đầu tư	383.794.521	935.507.222
Phải thu khác	3.729.998.483	4.425.217.541
- <i>Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội<sup>[1]</sup></i>	1.915.500.000	1.915.500.000
- <i>Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành SGK<sup>[2]</sup></i>	200.000.000	200.000.000
- <i>Phải thu Viện Công nghệ Giáo dục<sup>[3]</sup></i>	1.400.000.000	1.400.000.000
- <i>Phải thu Ông Trần Đức Quỳnh theo hợp đồng môi giới nhà đất</i>	-	100.000.000
- <i>Phải thu về tiền thuế TNDN tạm nộp 2% của hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	-	579.000.000
- <i>Phải thu bà Nguyễn Thị Vượng</i>	24.068.000	-
- <i>Phải thu tiền vận chuyển chi hộ</i>	36.504.204	-
- <i>Phải thu về quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	53.231.433	-
- <i>Phải thu các đối tượng khác</i>	100.694.846	230.717.541
	<b>4.147.296.708</b>	<b>5.360.724.763</b>

<sup>[1]</sup> Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt

bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội. Diện tích khu đất là 7.662m<sup>2</sup>;
- Mục đích sử dụng đất: Dựng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng.

<sup>[2]</sup> Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: “Xây dựng Trung tâm xuất bản – Phát hành Sách giáo khoa” theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

<sup>[3]</sup> Đây là khoản tiền góp vốn để triển khai hoạt động Viện Công nghệ Giáo dục theo tiến độ góp vốn đợt 1 và đợt 2 căn cứ theo Nghị quyết cuộc họp Hội đồng Viện ngày 23/01/2010.

## 6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.700.735.678	2.444.397.885
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.198.611.620	1.984.849.411
Thành phẩm	19.960.825.595	15.494.973.908
Hàng hoá	9.285.774.585	6.607.418.241
Hàng gửi đi bán	509.590.996	759.472.720
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.448.572.584)	(1.448.572.584)
	<b>35.206.965.890</b>	<b>25.842.539.581</b>

## 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	591.476.934	591.476.934
Chi phí sửa chữa cửa hàng	520.661.930	-
Phí Quản lý xuất bản	269.031.920	-
	<b>1.381.170.784</b>	<b>591.476.934</b>

## 8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.214.976.200	1.050.600.700
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	481.696.843
	<b>1.214.976.200</b>	<b>1.532.297.543</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	14.934.367.339	366.607.475	2.468.394.872	580.686.840	18.350.056.526
Số tăng trong kỳ	-	-	-	260.000.000	260.000.000
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	-	-	260.000.000	260.000.000
Số giảm trong kỳ	(13.482.599.728)	-	-	-	(13.482.599.728)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(13.482.599.728)	-	-	-	(13.482.599.728)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.451.767.611</b>	<b>366.607.475</b>	<b>2.468.394.872</b>	<b>840.686.840</b>	<b>5.127.456.798</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	1.587.892.731	360.531.106	1.761.090.337	449.977.033	4.159.491.207
Số tăng trong kỳ	45.272.101	2.653.061	191.152.488	28.297.929	267.375.579
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	45.272.101	2.653.061	191.152.488	28.297.929	267.375.579
Số giảm trong kỳ	(1.071.748.546)	-	-	-	(1.071.748.546)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(1.071.748.546)	-	-	-	(1.071.748.546)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>561.416.286</b>	<b>363.184.167</b>	<b>1.952.242.825</b>	<b>478.274.962</b>	<b>3.355.118.240</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	13.346.474.608	6.076.369	707.304.535	130.709.807	14.190.565.319
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>890.351.325</b>	<b>3.423.308</b>	<b>516.152.047</b>	<b>362.411.878</b>	<b>1.772.338.558</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 351.977.476 VND.

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền, Bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	20.000.000	167.617.546	187.617.546
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.000.000</b>	<b>167.617.546</b>	<b>187.617.546</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	13.883.333	68.328.520	82.211.853
Khấu hao trong kỳ	1.000.000	14.061.806	15.061.806
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>1.000.000</i>	<i>14.061.806</i>	<i>15.061.806</i>
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>14.883.333</b>	<b>82.390.326</b>	<b>97.273.659</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	6.116.667	99.289.026	105.405.693
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>5.116.667</b>	<b>85.227.220</b>	<b>90.343.887</b>

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	750.000.000	750.000.000
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>

<b>12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN</b>	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí bốc xếp phân bổ cho hàng tồn kho	-	11.237.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.420.455	7.227.274
Chi phí bán thảo	4.056.614.827	6.883.016.766
	<b>4.062.035.282</b>	<b>6.901.481.040</b>

**13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	698.611.137
Số tăng trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>698.611.137</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	139.722.228
Số tăng trong kỳ	34.930.557
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	34.930.557
Số giảm trong kỳ	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>174.652.785</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu kỳ	558.888.909
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>523.958.352</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	83.432.424	26.694.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.675.454.311	1.700.166.394
Thuế thu nhập cá nhân	65.693.952	124.317.080
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	83.402.500	-
	<b>1.907.983.187</b>	<b>1.851.177.878</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí kiểm toán 2011	-	25.000.000
Chi phí dịch vụ thương mại phải trả	51.895.479	339.849.976
Chi phí khuyến khích doanh số và hoa hồng môi giới	632.569.180	779.122.400
Chi phí bán thảo và phí phát hành	1.115.176.714	115.176.714
Chi phí thuê và tiền nhuận bút của sách liên kết	1.772.659.780	-
	<b>3.572.301.153</b>	<b>1.259.149.090</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	75.130.339	155.912.516
Bảo hiểm xã hội	60.592.845	49.688.920
Bảo hiểm y tế	945.732	141.549
Bảo hiểm thất nghiệp	21.521.702	893.629
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.239.189.956	29.516.117.993
- <i>Phải trả ông Như Văn Quang</i>	-	28.950.000.000
- <i>Viện Công nghệ Giáo dục</i>	299.500.000	300.500.000
- <i>Bưu điện Hà Nội</i>	2.800.000	2.800.000
- <i>Phải trả ông Hồ Ngọc Đại</i>	92.900.000	92.900.000
- <i>Cổ tức phải trả chủ sở hữu</i>	3.706.932.600	-
- <i>Phải trả các đối tượng khác</i>	137.057.356	169.917.993
	<b>4.397.380.574</b>	<b>29.722.754.607</b>



**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(765.000.000)</b>	<b>36.199.650</b>	<b>(6.550.527.860)</b>	<b>2.749.504.745</b>	<b>1.429.483.052</b>	<b>10.186.483.138</b>	<b>109.280.982.725</b>
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(187.895.040)	-	-	-	(187.895.040)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	8.215.626	56.197.597	(64.413.223)	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	17.257.376.035	17.257.376.035
Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	(9.198.784.000)	(9.198.784.000)
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(851.384.218)	(851.384.218)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(765.000.000)</b>	<b>36.199.650</b>	<b>(6.738.422.900)</b>	<b>2.757.720.371</b>	<b>1.485.680.649</b>	<b>17.329.277.732</b>	<b>116.300.295.502</b>

Công ty đã thực hiện phân phối Lợi nhuận theo Nghị quyết số 58/SGDHN ngày 11/05/2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2012	Tỷ lệ	01/01/2012	Tỷ lệ
	VND		VND	%
Nhà Xuất bản Giáo dục	5.928.000.000	5,80%	5.928.000.000	5,80%
Vốn góp của đối tượng khác	96.266.840.000	94,20%	96.266.840.000	94,20%
<b>Cộng</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>100%</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.198.784.000	7.951.027.200
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>9.198.784.000</i>	<i>7.951.027.200</i>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.219.484</i>	<i>10.219.484</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.020.700	990.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.020.700</i>	<i>990.400</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.198.784	9.229.084
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.198.784</i>	<i>9.229.084</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	56.543.650.554	36.659.592.027
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.727.272	21.818.182
	<b>56.576.377.826</b>	<b>36.681.410.209</b>

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	102.076.130	2.025.714
	<b>102.076.130</b>	<b>2.025.714</b>

**20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	56.441.574.424	36.657.566.313
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.727.272	21.818.182
	<b>56.474.301.696</b>	<b>36.679.384.495</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	44.264.241.698	30.105.797.697
	<b>44.264.241.698</b>	<b>30.105.797.697</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.352.362.279	3.699.024.797
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	17.361.780
Cổ tức, lợi nhuận được chia	135.000.000	67.500.000
Lãi hoạt động ủy thác đầu tư	-	5.265.960.000
Chiết khấu thanh toán	13.274.700	-
	<b>5.500.636.979</b>	<b>9.049.846.577</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	1.352.272.728
Chi phí ủy thác đầu tư	25.932.808	49.957.000
Chi phí tài chính khác	-	44.000
	<b>25.932.808</b>	<b>1.402.273.728</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản <sup>[1]</sup>	28.751.625.500	-
Thu nhập khác	35.142.766	53.297.410
	<b>28.786.768.266</b>	<b>53.297.410</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý <sup>[1]</sup>	12.410.851.182	-
Chi phí liên quan tới thanh lý tài sản <sup>[1]</sup>	167.477.275	-
Chi phí khác	17.495.795	44.369.219
	<b>12.595.824.252</b>	<b>44.369.219</b>

<sup>[1]</sup> là các khoản Thu nhập và Chi phí của hợp đồng Theo hợp đồng bán Căn hộ chung cư đã được công chứng xác nhận ngày 04/11/2011, Công ty thực hiện chuyển nhượng tòa nhà 5 tầng (Căn hộ 103,203,303, 403, 503 tại Lô B1, DN 14/3 Khu đô thị Nghĩa Đô, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội - là Văn phòng cũ của Công ty) cho Ông Như Văn Quang.

## 26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.257.376.035	4.517.983.101
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.257.376.035	4.517.983.101
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.199.117	10.008.207
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.876</b>	<b>451</b>

## 27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.553.806.492	-	71.877.870.285	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.788.083.228	(1.677.111.611)	41.162.535.549	(1.697.876.677)
Các khoản cho vay	16.893.185.895	-	11.942.654.521	-
Đầu tư dài hạn	750.000.000	-	750.000.000	-
	<b>119.985.075.615</b>	<b>(1.677.111.611)</b>	<b>125.733.060.355</b>	<b>(1.697.876.677)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	36.413.022.207	57.131.600.801
Chi phí phải trả	3.572.301.153	1.259.149.090
	<b>39.985.323.360</b>	<b>58.390.749.891</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	36.413.022.207	-	-	36.413.022.207
Chi phí phải trả	3.572.301.153	-	-	3.572.301.153
	<b>39.985.323.360</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>39.985.323.360</b>
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	57.131.600.801	-	-	57.131.600.801
Chi phí phải trả	1.259.149.090	-	-	1.259.149.090
	<b>58.390.749.891</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>58.390.749.891</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Báo cáo bộ phận chính yếu- theo lĩnh vực kinh doanh

	Sách Giáo dục và sách khác	Chuyển nhượng bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	56.474.301.696	28.751.625.500	85.225.927.196
Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.925.904.940	12.129.972.782	17.055.877.722
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	201.498.313
<b>Tổng Lợi nhuận</b>	<b>4.925.904.940</b>	<b>12.129.972.782</b>	<b>17.257.376.035</b>
Tài sản bộ phận	162.608.933.857	-	162.608.933.857
Lợi thế thương mại	-	-	523.958.352
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>162.608.933.857</b>	<b>-</b>	<b>163.132.892.209</b>
Nợ phải trả bộ phận	45.885.484.325	-	45.885.484.325
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>45.885.484.325</b>	<b>-</b>	<b>45.885.484.325</b>

### Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	786.276.747	800.241.026

### 31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.

---

**Vũ Thị Minh Nguyệt**  
Phụ trách kế toán

---

**Cán Hữu Hải**  
Giám đốc  
*Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012*